

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



BÁO CÁO TỔNG KẾT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KH&CN CẤP ĐẠI HỌC QUỐC GIA

**Tên đề tài: “Những nội dung trái pháp luật quốc tế
trong chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc
trên Biển Đông.”**

Mã số đề tài: QG.16.64

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Nguyễn Bá Diễn

Hà Nội, 2017

MẪU 14/KHCN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3839 /QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 10 năm 2014
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



BÁO CÁO TỔNG KẾT

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KH&CN
CẤP ĐẠI HỌC QUỐC GIA**

**Tên đề tài: “Những nội dung trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật
biển của Trung Quốc trên Biển Đông.”**

Mã số đề tài: QG.16.64

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Nguyễn Bá Diên

Hà Nội, 2017

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU

1. Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài KH&CN cấp Đại học Quốc gia (Theo mẫu 14)

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Báo cáo nội dung 1

2.2 Báo cáo nội dung 2

3. Kết quả đào tạo: Quyết định phân công hướng dẫn thực hiện luận văn, luận án; Quyết định thành lập hội đồng bảo vệ luận văn, luận án; Bìa luận văn, luận án

4. Các ấn phẩm khoa học

4.1. Bản thảo sách chuyên khảo: 01 bản (Đóng ngoài)

4.2. Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống ISI/Scopus: 01 bài

4.3. Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN: 04 bài

1. PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên đề tài: “Những nội dung trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc trên Biển Đông.”

1.2. Mã số: QG.16.64

1.3. Danh sách chủ trì, thành viên tham gia thực hiện đề tài

TT	Chức danh, học vị, họ và tên	Đơn vị công tác	Vai trò thực hiện đề tài
1	PGS.TS.Nguyễn Bá Diễn	Khoa Luật, ĐHQGHN	Chủ nhiệm Đề tài
2	TS.Đồng Thị Kim Thoa	Viện NC Biển và hải đảo	Thư ký Đề tài
3	Ths.NCS.Nguyễn Hùng Cường	Khoa Luật, ĐHQGHN	Thành viên chính tham gia nghiên cứu
4	Ths.NCS.Đào Thu Hường	Khoa Luật, ĐHQGHN	Thành viên chính tham gia nghiên cứu
5	TS. Phạm Vũ Thắng	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Thành viên chính tham gia nghiên cứu
6	Ths.NCS Vũ Phương Thanh	Bộ Tư pháp	Thành viên chính tham gia nghiên cứu
7	CN.Phan Văn Mạnh	Khoa Luật, ĐHQGHN	Thành viên chính tham gia nghiên cứu
8	HVCH. Vũ Thuý Hằng	Học viên cao học khoá 2015-2017 tại khoa Luật	Thành viên bổ sung tham gia nghiên cứu năm thứ hai
9	HVCH. Vũ Phương Linh	Học viên cao học khoá 2015-2017 tại khoa Luật	Thành viên bổ sung tham gia nghiên cứu năm thứ hai

1.4. Đơn vị chủ trì:

Tên tổ chức chủ trì đề tài: **Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội**

Điện thoại: 04.37547512

Fax: 04.37547512

E-mail: lawsch@vnu.edu.vn

Website: <http://www.vnu.edu.vn/khoaluat>

Địa chỉ: Nhà E1, số 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

1.5. Thời gian thực hiện:

1.5.1. Theo hợp đồng: từ 30 tháng 12 năm 2015, đến 25 tháng 12 năm 2017.

1.5.2. Gia hạn (nếu có): Không.

1.5.3. Thực hiện thực tế: từ 30 tháng 12 năm 2015 đến 10 tháng 12 năm 2017

1.6. Những thay đổi so với thuyết minh ban đầu (nếu có):

Thay đổi thành viên tham gia thực hiện đề tài ()

1.7. Tổng kinh phí được phê duyệt của đề tài: 300 triệu đồng (Ba trăm triệu đồng)

PHẦN II. TỔNG QUAN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặt vấn đề

Vị trí địa lý của Biển Đông đã quyết định một ý nghĩa chiến lược không giống với bất kỳ khu vực biển nào trên thế giới, nơi chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên (sinh vật và phi sinh vật) vô cùng phong phú, vào loại bậc nhất thế giới; là con đường hàng hải quan trọng nhất thế giới, là huyết mạch kinh tế-thương mại của các quốc gia trong khu vực, là giao lộ nối liền Thái Bình Dương và Đại Tây Dương, nối liền ba lục địa (châu Á - châu Âu - châu Phi) và với cả châu Úc. Biển Đông là không gian có ý nghĩa địa chính trị và địa chiến lược đặc biệt, không chỉ có ý nghĩa sống còn đối với dân tộc Việt Nam, mà còn là nơi chứa đựng nhiều lợi ích đan xen của hầu hết các quốc gia trong khu vực, ở châu Á và trên toàn thế giới. Vì vậy, quốc gia nào làm chủ được Biển Đông là kiểm soát được cả châu Á và từ đó thống trị được thế giới.

Tranh chấp Biển Đông đã, đang và sẽ là một trong những tranh chấp quốc tế được coi là lâu dài, phức tạp, cam go, tiềm ẩn những nguy cơ khó lường nhất. Một trong những nguyên nhân cốt lõi của tranh chấp Biển Đông là âm mưu, tham vọng của Trung Quốc với chính sách và chiến lược được lập trình rất tinh vi, bài bản và với những hành động ngày càng hung hăng trên thực tế, xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam; đe dọa hòa bình, an ninh khu vực và trên thế giới. Chính sách, pháp luật biển nói chung và trên Biển Đông (nói riêng) của Trung Quốc là một trong những công cụ chiến lược quan trọng để nước này hiện thực hóa tham vọng bành trướng trên biển của mình. Hệ thống chính sách, pháp luật biển, đảo và các hành động trên thực địa của Trung Quốc trên Biển Đông không chỉ đe dọa tới hòa bình, an ninh khu vực mà còn gây ra nhiều tác động nguy hại đối với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực như: chính trị, ngoại giao, hợp tác quốc tế; quốc phòng – an ninh; kinh tế; văn hóa – xã hội; thông tin – truyền thông; tài nguyên thiên nhiên và môi trường biển...; đặc biệt, đang đe dọa và xâm phạm chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, cũng như chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển. *Do đó, việc nghiên cứu một cách cơ bản và hệ thống chính sách pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc nhằm góp phần nhận diện yêu sách, tham vọng cũng như làm rõ tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách pháp luật biển của Trung Quốc; từ đó, đưa ra các đối sách, giải pháp đấu tranh, phản bác các yêu sách phi pháp độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam phù hợp với luật pháp quốc tế, phúc đáp chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển và hội nhập của Việt Nam, là yêu cầu hết sức cấp thiết.* Vì vậy, việc nghiên cứu Đề tài: **“Những nội dung trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật của Trung Quốc trên Biển Đông”**, càng có ý nghĩa cấp thiết hơn bao giờ hết, cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu

Đề tài hướng tới những mục tiêu cốt lõi như sau:

Thứ nhất, làm sáng tỏ những nội dung trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc, bao gồm:

- Nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận quan trọng như hệ thống các khái niệm, các lý thuyết chung về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia về biển đảo trong pháp luật quốc tế và các tiêu chí đánh giá về sự phù hợp, tính trái pháp luật quốc tế của pháp luật quốc gia;

- Hệ thống hóa được những nội dung cơ bản trong chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc qua hai thời kỳ lịch sử tiêu biểu: **(i)** Thời kỳ Trung Hoa Dân quốc (1911-1949) và **(ii)** Thời kỳ từ năm 1949 đến nay gắn với yêu sách “đường lưỡi bò” phi lý chiếm trên 80% diện tích Biển Đông. Thông qua việc hệ thống hóa này, đưa ra những đánh giá về quá trình xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc trong mối liên hệ với thực tiễn tranh chấp Biển Đông hiện nay. Đề tài cũng đưa ra những đánh giá, so sánh giữa chính sách, pháp luật biển, đảo của Trung Quốc, Đài Loan và chính sách, pháp luật biển, đảo của Việt Nam và bước đầu đưa ra những nguyên nhân dẫn đến các tham vọng và sự thay đổi trong chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc;

- Làm sáng tỏ tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc và tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật về biển của Trung Quốc, đánh giá chung về quá trình xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật này, từ đó rút ra những kết luận khoa học phục vụ phản bác lập luận đòi hỏi chủ quyền, quyền chủ quyền sai trái, phi lý của Trung Quốc.

Thứ hai, đánh giá những tác động nguy hại của chính sách, pháp luật biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc đối với hoà bình, an ninh khu vực và chủ quyền quốc gia của Việt Nam, các nước hữu quan và đề xuất một số giải pháp pháp lý của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông, bao gồm:

- Làm rõ các tác động nguy hại của chính sách, pháp luật và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc đối với Việt Nam và các nước trong khu vực.

- Bước đầu đề xuất đối sách cho Việt Nam nhằm hạn chế, giảm thiểu những tác động nguy hại của chính sách, pháp luật biển Trung Quốc; các giải pháp đấu tranh trong lĩnh vực pháp lý đối với chính sách, pháp luật về biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông; các giải pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam trước tác động của chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc.

3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khoa học khác. Trong đó:

Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá... là những phương pháp chủ đạo nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về chủ đề nghiên cứu.

Phương pháp liên ngành: Trong quá trình thực hiện Đề tài, các phương pháp chuyên ngành, phương pháp tích hợp liên ngành cũng được áp dụng.

Phương pháp mô hình hoá: Các nội dung nghiên cứu trong đề tài sẽ được khái quát và cụ thể hoá thành các mô hình (bao gồm bản đồ, bảng biểu, sơ đồ hình hoạ...) để góp phần làm rõ và đa dạng hoá kết quả nghiên cứu.

Trong quá trình thực hiện Đề tài, các kỹ thuật truyền thống và hiện đại của khoa học pháp lý cũng như kỹ thuật hỗ trợ của tin học sẽ được sử dụng hợp lý để tập hợp, xử lý, hệ thống hóa cơ sở dữ liệu; khảo sát ý kiến chuyên gia; các kỹ thuật xử lý, xây dựng các bảng biểu, tập hợp sản phẩm nghiên cứu và các hoạt động bổ trợ khác nhằm tổng kết, rút ra các kết luận và khuyến nghị khoa học của Đề tài.

4. Tổng kết kết quả nghiên cứu

Với những mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đã nêu, nội dung nghiên cứu của Đề tài gồm 02 nhóm nội dung chính: (1) Chính sách, pháp luật biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc trong tương quan so sánh với pháp luật quốc tế; (2) Tác động nguy hại của chính sách, pháp luật biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc và giải pháp pháp lý của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông. Kết quả nghiên cứu được khái quát như sau:

4.1. Chính sách, pháp luật biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc trong tương quan so sánh với pháp luật quốc tế

4.1.1. Tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc và đặc điểm cơ bản của chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc

Biển Đông là cửa ngõ quan trọng bậc nhất và không thể thay thế đối với Trung Quốc trên con đường trở thành siêu cường của “con rồng Trung Hoa”. Việc thống trị biển đảo, nhất là đối với Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng có ý nghĩa sống còn, là “yết hầu”, là “con đường sinh mệnh”, là “hòn đá tảng” trong chiến lược hiện thực hóa “giấc mộng Trung Hoa” của Trung Quốc. Do vậy, trong toan tính của mình, Trung Quốc đã dùng mọi thủ đoạn, kể cả việc sử dụng vũ lực trên thực địa để thôn tính cho được vùng biển trọng yếu này.

Tham vọng bành trướng của Trung Quốc trên biển được thể hiện rõ nét nhất thông qua yêu sách “đường lưỡi bò” (đường chữ U) chính thức công khai từ năm 2009 với Công hàm CML 17 và CML 18 gửi Liên hợp quốc, nhằm độc chiếm hơn 80% diện tích Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Để hiện thực hóa tham vọng này, Trung Quốc đã ban hành Chiến lược tổng thể cấp quốc gia trên Biển Đông về các lĩnh vực với hệ thống chính sách và văn bản pháp quy khá đồ sộ. *Về chính trị ngoại giao*, Trung Quốc chủ trương “chính trị cường quyền, ngoại giao cường ép”, vừa mua chuộc, lôi kéo, vừa chia rẽ và làm suy yếu các nước trong khu vực; vừa mặc cả, thỏa hiệp với các cường quốc ngoài khu vực để làm suy yếu liên minh khu vực, dễ bề khẳng định chủ quyền của mình ở Biển Đông. *Về quốc phòng, an ninh*, Trung Quốc không ngừng hiện đại hóa quân đội, tăng cường sự hiện diện và kiểm soát trên Biển Đông. *Về kinh tế*, Trung Quốc lôi kéo, mua chuộc thông qua các hình thức viện trợ và quan hệ kinh tế với các nước láng giềng trong khu vực và ngoài khu vực, nhằm độc chiếm Biển Đông. Đồng thời, hàng loạt chính sách, pháp luật về các lĩnh vực khác, như lĩnh vực *tư tưởng- thông tin-truyền thông, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ biển, ... trên Biển Đông*, đều được Trung Quốc triển khai một cách đồng bộ, bài bản nhằm độc chiếm Biển Đông.

Từ đầu thế kỷ 20, nhất là từ sau khi thành lập nước CHND Trung Hoa, năm 1949, nhận diện được vai trò và tầm quan trọng của biển, với tham vọng bành trướng, độc chiếm Biển Đông, Trung Quốc đã *xây dựng một hệ thống chính sách, pháp luật biển khá toàn diện, với hàng trăm văn bản cấp Trung ương và địa phương*¹; đồng thời, tham gia ký kết nhiều điều ước quốc tế về biển đảo.

Đặc điểm nổi bật và quan trọng của chính sách, pháp luật về biển đảo nói chung và Biển Đông của Trung Quốc được thể hiện trên các khía cạnh sau:

Thứ nhất, với sự phức tạp, nhiều tầng, cấp cơ quản lý nhà nước tham gia trong các lĩnh vực, chính sách pháp luật biển của CHND Trung Hoa phản ánh chân xác yêu sách và tham vọng bành trướng trên biển của giới chức cầm quyền Trung Quốc từ đầu thế kỷ 20, nhất là từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa, năm 1949 đến nay.

Thứ hai, hệ thống chính sách, pháp luật Trung Quốc về Biển Đông nói chung, trực tiếp quy định về các quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa của Việt Nam), Nam Sa (Trường Sa của Việt Nam) nói riêng, cũng chính là “công cụ pháp lý” để Trung Quốc hợp thức hóa yêu sách độc chiếm Biển Đông, hợp thức hóa các hoạt động phi pháp của Trung Quốc trên các vùng biển (vùng biển của Việt Nam và các nước, vùng biển tranh chấp và vùng biển quốc tế).

Thứ ba, Trung Quốc luôn chú trọng việc “lấy vũ khí pháp luật để duy trì chủ quyền lãnh thổ và quyền lợi hải dương, nỗ lực xây dựng hệ thống các luật lệ và áp dụng những chuẩn tắc quốc tế có lợi” cho riêng mình, né tránh, loại bỏ những quy định của pháp luật quốc tế có thể gây bất lợi, ràng buộc mình; đồng thời đưa ra những quy định trái với luật pháp và thực tiễn quốc tế để **áp đặt chủ quyền, quyền chủ quyền của mình, xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam và các quốc gia hữu quan**. Đây chính là tính chất “nước đôi”, tính “hai mặt” trong

¹ *Các văn bản tiêu biểu thể hiện chính sách biển đảo gồm*: Phát triển sự nghiệp biển Trung Quốc 1998; Quy hoạch các khu vực chức năng chính trên biển toàn quốc 2002; Cương yếu Quy hoạch phát triển kinh tế biển 2003; Cương yếu Quy hoạch phát triển sự nghiệp biển Quốc gia 2008; Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 phát triển sự nghiệp biển quốc gia; Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 phát triển kinh tế biển; Sách trắng – Chính sách của CHND Trung Hoa về Tài nguyên khoáng sản; Sách trắng – Bảo vệ môi trường Trung Quốc - *Environmental Protection in China (1996-2005)*; Sách trắng – Sự phát triển của Chương trình biển Trung Quốc; Sách trắng – Đảo Điều Ngự, 1 lãnh thổ vốn có của Trung Quốc; Sách trắng – Phát triển Hòa bình của Trung Quốc; Sách trắng – Quốc phòng Trung Quốc 2010, 2008, 2006; Sách trắng – Chiến lược quân sự Trung Quốc 2015; Sách trắng – Chủ quyền không thể tranh cãi của Trung Quốc đối với quần đảo Tây Sa và quần đảo Nam Sa; Tuyên bố của Chính phủ nước CHND Trung Hoa phê chuẩn UNCLOS 1982 ngày 15/5/1996; Tuyên bố của Chính phủ nước CHND Trung Hoa bảo lưu Điều 298 UNCLOS 1982 ngày 25/8/2006; Tuyên bố của Chính phủ nước CHND Trung Hoa về việc thành lập Vùng nhận dạng phòng không ở Biển Hoa Đông 2013 ...

Hệ thống các văn bản pháp luật tiêu biểu về biển đảo của Trung Quốc: (1) Hiến pháp nước CHND Trung Hoa năm 1982, sửa đổi, bổ sung năm 1988, 1993, 1999 và 2004; (2) **Các đạo luật**: Luật lãnh hải và vùng tiếp giáp của CHND Trung Hoa năm 1992; Luật vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước CHND Trung Hoa năm 1998; Luật Bảo vệ hải đảo năm 2009; Luật về Quản lý các vùng biển năm 2001; Luật Ngư nghiệp năm 1986, sửa đổi năm 2013; Luật Ngăn ngừa và Kiểm soát ô nhiễm nước năm 1984, sửa đổi năm 1996 và năm 2008; Luật về Phát triển (Tiền bộ) Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) 2007; Bộ luật Hàng hải năm 1992; Luật về Thủ tục hàng hải đặc biệt năm 1999; Luật An toàn giao thông trên biển năm 1983; Luật Tài nguyên nước năm 1998, sửa đổi năm 2002; Luật Bảo vệ môi trường biển năm 1982, sửa đổi năm 1999; Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014; Luật Tài nguyên khoáng sản năm 1986, sửa đổi năm 2009;... (3) **Các điều lệ**: Điều lệ quản lý bảo vệ môi trường thăm dò khai thác dầu trên biển năm 1983; Điều lệ quản lý ngăn ngừa ô nhiễm các vùng biển từ tàu thuyền năm 1983; Điều lệ quản lý phòng trị ô nhiễm bởi các vật gây ô nhiễm từ đất liền tồn tại tới môi trường biển năm 1990; Điều lệ về khu bảo tồn thiên nhiên của nước CHND Trung Hoa năm 1994; Điều lệ về phao tiêu hàng hải năm 1995; Điều lệ quản lý dự báo quan trắc biển năm 2012;... (4) **Các văn bản khác như tuyên bố, lệnh, công hàm**: Tuyên bố về lãnh hải của Chính phủ nước CHND Trung Hoa ngày 04/9/1958; Tuyên bố về đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1996; Lệnh cấm đánh bắt cá hàng năm ở Biển Đông (từ năm 1999 đến nay); Công hàm số CML 17 và CML 18 ngày 07/5/2009 gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc (kèm theo bản đồ “đường lưỡi bò” phi pháp) nhằm phản đối Báo cáo chung giữa Việt Nam-Malaysia và Báo cáo riêng của Việt Nam về ranh giới thềm lục địa ngoài 200 hải lý khu vực phía Bắc Biển Đông...

hệ thống chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc, *bộc lộ nhiều điểm phi lý, trái với các chuẩn tắc quốc tế được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc, các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế và Công ước Luật biển năm 1982.*

4.1.2. Tính trái pháp luật quốc tế của chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách pháp luật biển của quốc gia nói chung, tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc trên Biển Đông đã được phân tích, luận giải và kết luận khái quát như sau:

Một là, chính sách, pháp luật và các hoạt động thực tế trên Biển Đông của Trung Quốc vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế được quy định tại Hiến chương Liên hợp quốc (gồm nguyên tắc bình đẳng chủ quyền quốc gia; nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế; nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế) và vi phạm các nguyên tắc đặc thù của luật quốc tế và luật biển quốc tế (gồm nguyên tắc đất thống trị biển; nguyên tắc tự do biển cả; nguyên tắc công bằng; nguyên tắc chiếm hữu thực sự; nguyên tắc kế thừa quốc gia).

Hai là, chính sách, pháp luật và các hoạt động thực tế trên Biển Đông của Trung Quốc có nhiều điểm trái với nghị quyết của các tổ chức quốc tế, nghị quyết các hội nghị quốc tế liên quan đến Biển Đông; cụ thể là Nghị quyết 2625 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (LHQ) ngày 24/10/1970 về các nguyên tắc của Luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương LHQ; Nghị quyết A/RES/2749 ngày 17/12/1970 của Đại hội đồng LHQ Tuyên bố về các nguyên tắc liên quan đến Đáy biển và Đáy đại dương và lòng đất bên dưới bên ngoài giới hạn tài phán quốc gia; Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ về chủ quyền vĩnh viễn của các quốc gia đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên; các Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ về Luật biển...; Nghị quyết của các tổ chức quốc tế khác như: Nghị quyết của Ủy ban An toàn hàng hải của Tổ chức Hàng hải Quốc tế ngày 17/10/2010; Nghị quyết của Viện pháp luật quốc tế về chiếm cứ lãnh thổ năm 1916...; Nghị quyết các hội nghị quốc tế nổi tiếng trong lịch sử như Tuyên bố của Hội nghị Cairo 1943; Tuyên bố của Hội nghị Postdam 1945 và Hiệp ước San Francisco 1951.

Ba là, pháp luật biển đảo Trung Quốc có nhiều điểm trái với các điều ước quốc tế đa phương về biển đảo, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982, xâm phạm quyền và lợi ích của các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Cụ thể là:

(i) **Mặc dù** đã phê chuẩn UNCLOS 1982, nhưng ngày 25/8/2006 Trung Quốc đã có báo cáo gửi Liên hợp quốc các tuyên bố bảo lưu theo Điều 298 của UNCLOS 1982 nhằm ngăn ngừa khả năng Trung Quốc phải đối mặt với các vụ kiện liên quan đến các tranh chấp với các quốc gia hữu quan trong tương lai-phát sinh từ tham vọng và yêu sách độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc.

(ii) Trung Quốc đã công bố tháng 5/2009 yêu sách “đường lưỡi bò” chiếm 80% diện tích Biển Đông với lập luận “chúng đã thuộc chủ quyền và quyền tài phán của Trung Quốc trong lịch sử”, mặc dù “*Quyền lợi mang tính lịch sử*” là một trong những thuật ngữ chưa từng được ghi nhận trong bất kỳ văn bản pháp lý quốc tế nào, trong đó có cả UNCLOS 1982;

iii) Việc vạch đường cơ sở của Trung Quốc trái với các quy định tại Điều 47 UNCLOS 1982 về đường cơ sở thẳng và đường cơ sở quần đảo ;

iv) Việc hoạch định các vùng biển và đặt ra quy chế pháp lý của đảo và quần đảo theo quy định của pháp luật Trung Quốc không phù hợp với UNCLOS 1982;

v) Chính sách, pháp luật về khai thác tài nguyên thiên nhiên biển của Trung Quốc, trong đó có việc ban hành Lệnh cấm đánh bắt cá trên Biển Đông hàng năm đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam và các quốc gia ở Biển Đông đã được UNCLOS 1982 ghi nhận.

Đặc biệt hiện nay, Trung Quốc đang đẩy mạnh thúc ép Việt Nam và các nước hữu quan trong khu vực Biển Đông thực hiện chính sách “gác lại tranh chấp cùng nhau khai thác” trên khu vực vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam với luận điểm “*chủ quyền thuộc về Trung Quốc*” là trái với quy định của luật pháp và thực tiễn quốc tế, điều Việt Nam cũng như các bên tranh chấp khác không thể chấp nhận.

Bốn là, chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc trái với các điều ước quốc tế song phương, các tuyên bố chung giữa Trung Quốc và Việt Nam cùng với các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); cách thỏa thuận quốc tế khác trong lĩnh vực biển đảo mà Trung Quốc là thành viên, như Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) giữa Trung Quốc và ASEAN; COLREG 1972 và SAR 1979... (với chủ trương dùng các tàu chấp pháp Trung Quốc bắt giữ tàu Việt Nam, đe dọa và sử dụng vũ lực đối với ngư dân Việt Nam; hạ đặt giàn khoan HD-981 vào vùng biển Việt Nam, hăm dọa tàu cảnh sát biển Việt Nam; không cho ngư dân Việt Nam trú bão; cản trở các hoạt động cứu hộ cứu nạn trên biển của Việt Nam...).

Năm là, yêu sách “đường lưỡi bò” (đường chữ U) và chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc nhằm hiện thực hóa yêu sách này trái với các tập quán quốc tế nổi tiếng về biển đảo theo Khoản 1 Điều 38 Quy chế Tòa án Công lý Quốc tế về giải quyết tranh chấp biển đảo. **Cụ thể là vi phạm các nguyên tắc đặc thù và tập quán quốc tế về xác lập chủ quyền biển đảo**, điển hình là *nguyên tắc chiếm hữu thực sự* (thiếu tính nhà nước ngay từ ban đầu, đối tượng chiếm hữu không phải lãnh thổ vô chủ, biện pháp chiếm hữu bằng vũ lực không được ghi nhận, tính thực thi chủ quyền không liên tục); *nguyên tắc-tập quán đất thống trị biển* (Trung Quốc không có chủ quyền với các đảo trong Biển Đông để thiết lập chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước và đáy biển xung quanh; Trung Quốc mở rộng các vùng biển quá giới hạn cho phép, bỏ qua quyền lợi của các nước hữu quan); *nguyên tắc-tập quán uti possidetis* (không tôn trọng ranh giới biển được xác lập theo Công ước Pháp – Thanh năm 1887; sử dụng vũ lực thay đổi hiện trạng chiếm hữu về mặt thực tế đối với Hoàng Sa và Trường Sa; sử dụng yêu sách “đường lưỡi bò” nhằm biến đổi hiện trạng pháp lý về chủ quyền của Hoàng Sa, Trường Sa trên Biển Đông).

Sáu là, yêu sách “đường lưỡi bò” (đường chữ U) và chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc nhằm hiện thực hóa yêu sách này trái với các án lệ nổi tiếng về biển đảo theo Khoản 1 Điều 38 Quy chế Tòa án Công lý Quốc tế về giải quyết tranh chấp biển đảo.

Bảy là, yêu sách “đường lưỡi bò” (đường chữ U) và chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc nhằm hiện thực hóa yêu sách này trái với các học thuyết, quan điểm pháp lý nổi tiếng về biển đảo theo Khoản 1 Điều 38 Quy chế Tòa án Công lý Quốc tế về giải quyết tranh chấp biển đảo. **Cụ thể là**: Học thuyết chiếm hữu thực sự hay “đất thống trị biển” và “học thuyết không thừa nhận” đều là những căn cứ pháp lý cho thấy yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc là hết

sức phi lý, trong đó, tiêu biểu hơn cả là học thuyết "không thừa nhận", theo đó, hành động sử dụng vũ lực của Trung Quốc chiếm đóng các quần đảo Hoàng Sa (năm 1956, 1974) và các đảo, đá thuộc quần đảo Trường Sa (năm 1988) cũng như một số đảo, đá trong vùng “đường lưỡi bò” bằng vũ lực là hành động trái với giá trị của học thuyết không thừa nhận. Do đó, hiện trạng chủ quyền mà Trung Quốc tạo ra đối với các thực thể này không được thừa nhận.

4.2. Tác động nguy hại của chính sách, pháp luật biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc và giải pháp pháp lý của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông

4.2.1. Tác động nguy hại của chính sách, pháp luật biển và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc

Để thực thi chính sách, pháp luật biển, hiện thực hóa chiến lược bá quyền trên biển, Trung Quốc đã huy động tổng lực hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế các văn bản trước đó, và sử dụng các lực lượng chuyên trách, áp dụng hàng loạt các chiến thuật trên tất cả các lĩnh vực, kết hợp khôn khéo “chiến tranh truyền thông, chiến tranh tâm lý”, “ngoại giao đi trước, quân sự theo sau”... Quá trình xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc gắn với các chiến thuật nêu trên được lập trình tinh vi, bài bản, có hệ thống, tận dụng thời cơ, chọn thời điểm thích hợp để “ra đòn” trong các hoạt động trên thực địa: dùng vũ lực xâm lược và chiếm đóng phi pháp hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam; ngang ngược tuyên bố mời thầu và hạ đặt dàn khoan trái phép sâu trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý của Việt Nam; tuyên bố thành lập cái gọi “thành phố Tam Sa”; ban hành lệnh cấm đánh bắt hải sản trên Biển Đông; siêu đảo hóa các thực thể ngầm trong hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam; cắt phá các rạn san hô và đáy biển, hủy hoại môi trường biển... không chỉ phớt lờ và vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế, mà còn có ý đồ muốn “viết lại” luật pháp quốc tế để phục vụ cho tham vọng bành trướng, bá quyền của quốc gia này.

Chính vì vậy, chính sách, pháp luật trên Biển Đông cùng các hành động thực tế trên biển của Trung Quốc đã những tác động tiêu cực đối với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Cụ thể là:

- *Về chủ quyền biển đảo*: Yêu sách “đường lưỡi bò” bao phủ trên 80% diện tích Biển Đông “nuốt” trọn hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam và nhiều đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm khác, không chỉ xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mà còn xâm phạm nghiêm trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam đối với các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam (bao trùm 2/3 thềm lục địa 200 hải lý của Việt Nam ở miền Trung và phía Nam. Bằng yêu sách phi lý này, Trung Quốc đã trắng trợn coi phần lớn vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam là “vùng biển của Trung Quốc”, là “vùng chồng lấn”, “vùng có tranh chấp” và đòi “cùng khai thác” ở trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Mối nguy hại nghiêm trọng của yêu sách “đường lưỡi bò” là xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam đối với lãnh hải và phần lớn vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam đã được UNCLOS của Liên hợp quốc ghi nhận.

- *Về chính trị-ngoại giao*: Cản trở và giảm hiệu quả của quá trình thực thi chính sách, pháp luật biển của Việt Nam; gây ra nhiều tác động tiêu cực đối với quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và ASEAN; trì hoãn, cản trở, phá vỡ việc hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các nước trong lĩnh vực biển đảo, ảnh hưởng tiêu cực tới quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia này.

- *Về quốc phòng-an ninh*: Tác động rất lớn đến chiến lược quốc phòng – an ninh của Việt Nam, khiến cho Việt Nam phải điều chỉnh chiến lược an ninh quốc phòng để đối phó với các động thái hung hăng, bất chấp của Trung Quốc trên Biển Đông làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh, an toàn trên biển, đe dọa an ninh, hòa bình chung của khu vực.

- *Về kinh tế-văn hóa-xã hội*: Tác động nguy hại đến hoạt động dầu khí, đánh bắt thủy sản, hoạt động du lịch biển, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế-xã hội khác của Việt Nam trên các vùng biển-đảo. Bằng chiêu bài “sức mạnh mềm”, Trung Quốc đã tạo ra một ma trận về thông tin, đưa ra những luận điệu sai trái, ngụy tạo, mập mờ về mặt bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý... nhằm phản tuyên truyền về chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, “bẻ lái” dư luận quốc tế theo chiều hướng phục vụ cho các yêu sách, tham vọng phi pháp của quốc gia này trên Biển Đông.

Như vậy, chính sách, pháp luật biển, đảo và các hành động thực tế của Trung Quốc không chỉ làm trầm trọng thêm tranh chấp trong Biển Đông mà còn đe dọa tới hòa bình, an ninh khu vực; gây ra nhiều tác động nguy hại đối với các quốc gia khác trong Biển Đông, trong đó quốc gia bị xâm phạm nghiêm trọng nhất chính là Việt Nam trên nhiều phương diện như: chủ quyền lãnh thổ, chính trị - ngoại giao, hợp tác quốc tế, an ninh quốc phòng kinh tế - văn hóa – xã hội, thông tin – truyền thông...

4.2.2. Giải pháp pháp lý cho Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông và vấn đề hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo

Giải pháp tổng thể và toàn diện trong đấu tranh chống yêu sách "đường lưỡi bò" của Trung Quốc, phản bác tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển Trung Quốc trên Biển Đông nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam là các phương pháp, cách thức được sử dụng để đấu tranh toàn diện, đầy đủ trên các phương diện pháp lý, kinh tế - xã hội, chính trị ngoại giao, quốc phòng - an ninh, khoa học công nghệ trước yêu sách phi lý và quá trình hiện thực hóa yêu sách này của Trung Quốc ở Biển Đông. Trong hệ giải pháp đó, **giải pháp pháp lý** là một bộ phận của hệ giải pháp thực thi, bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, theo nghĩa rộng bao gồm các giải pháp cụ thể sau: (a) *Giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về biển đảo*; (b) Giải pháp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp quốc tế, gồm: i) các phương thức phi tài phán (đàm phán, thương lượng, hòa giải) và ii) các phương thức tài phán (thông qua các tổ chức quốc tế: Liên hợp quốc, ASEAN; và các cơ quan tài phán quốc tế: ICJ, ITLOS, các thiết chế trọng tài quốc tế...) nhằm đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam; (c) Giải pháp xây dựng và sử dụng bộ tài liệu pháp lý trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, đặc biệt là bộ tài liệu pháp lý sử dụng tại các cơ quan tài phán quốc tế; (d) Một số giải pháp khác có tính kết hợp như: giải pháp sử dụng hoạt động hợp tác cùng phát triển; giải pháp giải quyết các khó khăn, thách thức pháp lý trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp tại cơ quan tài phán quốc tế...

Trong hệ giải pháp pháp lý cho Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông, hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý biển-đảo cần được xác định là một trong những nội dung trọng tâm, cần được Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị của Việt Nam quan tâm, chú trọng.

Với ý nghĩa đó, Đề tài đã luận giải và kết luận về định hướng, giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam như sau:

4.2.2.1. Các nguyên tắc cơ bản trong việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam

Một là, nhận thức đầy đủ, rõ ràng và đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của giải pháp pháp lý nói chung và vấn đề hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam trước yêu cầu đẩy mạnh đấu tranh pháp lý bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông

Trong bối cảnh, yêu cầu ngày càng cấp thiết phải đẩy mạnh đấu tranh pháp lý bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông, giải pháp pháp lý nói chung (trong đó có *hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam* nói riêng) được coi là **giải pháp quan trọng nhất** trong hệ thống các giải pháp đấu tranh, bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông. Đây chính là **giải pháp trung tâm, trọng yếu, cần thiết và mang tính hiệu quả, lâu dài, bền vững** mà một quốc gia nhỏ bé, tiềm lực kinh tế - quốc phòng còn yếu như Việt Nam cần sử dụng để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình thông qua việc **tận dụng, phát huy các thế mạnh về cơ sở pháp lý và lịch sử mà Việt Nam đang có**, do đó có ý nghĩa **quyết định đến sự thắng lợi của cuộc đấu tranh phản bác yêu sách “đường lưỡi bò”, phản bác tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển Trung Quốc trên Biển Đông nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam**.

Hai là, bảo đảm chủ quyền quốc gia, góp phần hiện thực hóa chiến lược tiến ra biển làm chủ biển, chiến lược hội nhập quốc tế

Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật biển Việt Nam cần được tiến hành trên cơ sở coi trọng và tuân thủ nguyên tắc độc lập, toàn vẹn chủ quyền quốc gia, gồm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển đảo, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế; kết hợp giữa việc bảo đảm chủ quyền và lợi ích quốc gia, giữ vững quan điểm độc lập, tự chủ về chính trị.

Ba là, bảo đảm chính sách, pháp luật biển đảo của Việt Nam phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các cam kết, thỏa thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam ở Biển Đông. Trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông, để đối phó với một Trung Quốc đang bành trướng ngang ngược, bất chấp pháp luật quốc tế, Việt Nam cần phải khẳng định sự tôn trọng pháp luật quốc tế, hành xử theo đúng pháp luật quốc tế khi xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, để nhận được sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế, từ đó gia tăng sự phản đối của dư luận quốc tế đối với những chính sách, pháp luật đơn phương, phi lý của Trung Quốc trên Biển Đông.

Đối với chiêu bài đề nghị “gác lại tranh chấp cùng nhau khai thác” của Trung Quốc, Việt Nam cũng như các quốc gia hữu quan không thể chấp nhận quan điểm của Trung Quốc đưa ra với những yêu sách chủ quyền phi lý và ngang ngược mà sẽ chỉ tiến hành khai thác chung trên cơ sở

Trung Quốc tôn trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam đối với vùng đặc đặc quyền kinh tế và thềm lục địa theo Công ước Luật Biển năm 1982.

Bốn là, hoàn thiện chính sách, pháp luật biển Việt Nam theo hướng phù hợp và là sự cụ thể hóa các đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 (theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng Khóa X ngày 09/02/2007) và các Chiến lược biển Việt Nam sau năm 2020; Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (theo Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX) và Chiến lược về hội nhập quốc tế của Việt Nam (theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI)

Năm là, hoàn thiện chính sách, pháp luật biển Việt Nam phải đảm bảo các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, toàn diện, khoa học, cập nhật và hiện đại để bắt kịp với xu hướng chung của khu vực và thế giới, cũng như đạt được sự tương thích với các quy định của luật quốc tế nói chung và luật biển quốc tế nói riêng; đồng thời phải chặt chẽ và có tính khả thi, phù hợp với các điều kiện thực tế của đất nước. Trong tiến trình này, Việt Nam cần tham khảo, tiếp thu một cách có chọn lọc kinh nghiệm xây dựng chính sách, pháp luật biển đảo của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Đặc biệt, Việt Nam cần phải nghiên cứu một cách cơ bản, toàn diện và hệ thống về chính sách pháp luật biển đảo của Trung Quốc ở Biển Đông, trong đó quan trọng nhất là làm rõ tính trái pháp luật quốc tế của chính sách pháp luật biển đảo của Trung Quốc ở Biển Đông; hiểu rõ các chiêu bài mà Trung Quốc áp dụng trong mặt trận pháp lý trên Biển Đông, từ đó mới có thể đưa ra được những đối sách xác đáng, đúng trọng tâm, làm thất bại âm mưu của đối phương. Đồng thời, Việt Nam cũng có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật biển đảo phục vụ cho việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia của Việt Nam trong tiến trình tiến ra biển và làm chủ biển.

4.2.2.2. Giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam

a) Đối với chính sách biển

Một là, cần có chiến lược, chính sách biển tổng thể, linh hoạt trong tổng thể chiến lược phát triển quốc gia; chiến lược, chính sách về củng cố, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với các vùng biển, đảo; **đặc biệt là chiến lược sử dụng giải pháp pháp lý trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam** trước yêu sách và tham vọng “đường lưỡi bò” phi lý của Trung Quốc trên Biển Đông, để giải quyết các tranh chấp cơ bản phát sinh từ yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc gồm: (1) Vấn đề chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc; (2) Vấn đề chủ quyền trên quần đảo Trường Sa giữa 5 nước 6 bên gồm Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia, Philippines, Đài Loan và Brunei; (3) Vấn đề tranh chấp liên quan đến quy chế pháp lý của quần đảo (vùng đảo) Hoàng Sa, Trường Sa và các thực thể thuộc phạm vi hai quần đảo (vùng đảo); (4) Phân định ranh giới các vùng biển chồng lấn trong phạm vi “đường lưỡi bò”; (5) Vấn đề xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa mở rộng; (6) Vấn đề tranh chấp liên quan đến việc thực hiện các quyền-nghĩa vụ của các quốc gia đối với các vùng biển theo quy định của luật pháp quốc tế; (7) Vấn đề tranh chấp liên quan đến bản chất đặc trưng của “đường lưỡi bò” (quy

chế pháp lý vùng nước “đường lưỡi bò”; tính chất của bản thân “đường lưỡi bò”; giá trị pháp lý của bản đồ “đường lưỡi bò”).

Hai là, tổng kết, đánh giá toàn diện những thành tựu và hạn chế, tồn tại của quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về thực thi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia để hoạch định, bổ sung chính sách quốc gia về biển, trong đó đặc biệt là tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 (theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng Khóa X ngày 09/02/2007) làm cơ sở xây dựng Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục cụ thể hóa các chính sách biển trong các Chương trình, Dự án, Đề án, Kế hoạch, Quy hoạch cấp quốc gia, địa phương trên đầy đủ các lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng biển.

Ba là, cải tiến cơ chế, bộ máy quản lý nhà nước và hệ thống chính sách pháp luật về biển, đảo trên cơ sở kết hợp hài hòa lợi ích giữa trung ương và địa phương, giữa trước mắt và lâu dài, giữa kinh tế và quốc phòng, kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ, phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp trong quản lý và phát triển kinh tế biển, tăng cường vai trò và quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương trong quản lý và phát triển kinh tế biển.

Bốn là, thực hiện chính sách quản lý hợp lý, hiệu quả đối với các vùng biển đảo theo hướng tăng cường củng cố chủ quyền quốc gia phù hợp với luật pháp quốc tế

- Xây dựng chính sách đặc biệt đảm bảo cuộc sống ổn định của cư dân trên đảo (bao gồm cả đời sống chiến sĩ thực thi nhiệm vụ trên các đảo, giảm dần tiến tới xóa bỏ sự cách biệt giữa đời sống sĩ quan và chiến sĩ), thu hút khuyến khích mạnh mẽ người dân ra đảo định cư lâu dài; xây dựng, thực hiện các chính sách khuyến khích ngư dân đánh bắt xa bờ song song với việc đảm bảo an toàn, an ninh về tính mạng, tài sản của ngư dân (hỗ trợ tài chính, tàu thuyền, ngư cụ, các phương tiện, tài sản khác).

- Xây dựng các phương án, biện pháp về giám sát, hỗ trợ việc thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng biển bền vững, bảo vệ bờ biển cũng như các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, chống lại sự xâm nhập của đối phương qua đường biển.

- Tăng cường bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy về vai trò và tầm quan trọng của phân vùng, quản lý tổng hợp vùng ven bờ biển cho các cán bộ từ trung ương đến địa phương. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là các chuyên gia pháp lý về xây dựng chính sách biển cũng như đào tạo đội ngũ chuyên gia về phân vùng và quản lý tổng hợp vùng ven bờ biển thông qua hoạt động hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của mọi người dân, đặc biệt là nhân dân vùng biển về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của việc tham gia vào công tác quản lý và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

- Hợp tác quốc tế có hiệu quả đối với các quốc gia hữu nghị truyền thống, tìm kiếm sự đồng thuận, những điểm chung lợi ích với các nước khác có yêu sách chủ quyền cũng như các nước có lợi ích ở Biển Đông; xúc tiến đàm phán ký kết các điều ước quốc tế về phân định đường biên giới/ ranh giới trên biển giữa Việt Nam với nước ngoài. Chính sách hóa chương trình hợp tác quốc tế đảm bảo tính liên thông quốc tế trong quản lý, phát triển biển bền vững trong lĩnh vực biển đảo.

b) Đối với hệ thống pháp luật biển

Các giải pháp chính trong hoàn thiện cơ sở pháp lý về thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền

và quyền tài phán của Việt Nam đối với các vùng biển trên cơ sở tuân thủ UNCLOS 1982, tăng cường cơ sở pháp lý phục vụ cho phán bác lại các quy định trong chính sách, pháp luật biển Trung Quốc bao gồm:

Một là, tích cực, chủ động tham gia, ký kết các điều ước quốc tế, các hiệp định đa phương, song phương với các quốc gia, các thỏa thuận khu vực liên quan đến vấn đề, biển đảo, đặc biệt là xúc tiến đàm phán ký kết các điều ước quốc tế về phân định đường biên giới/ ranh giới trên biển giữa Việt Nam với Trung Quốc và các nước ngoài. Đẩy nhanh tiến trình nội luật hóa, đặc biệt là các công ước quốc tế trong lĩnh vực hàng hải, bảo vệ môi trường biển nhằm xây dựng, ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế và thực thi có hiệu quả các điều ước quốc tế về biển đảo Việt Nam là thành viên.

Hai là, tăng cường công tác rà soát, pháp điển hóa hoặc ban hành mới quy định pháp luật biển nhằm điều chỉnh, giải quyết những vấn đề quan trọng hoặc các quan hệ xã hội mới trong lĩnh vực biển, đảo.

- Tiếp tục xây dựng, bổ sung và hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển; tiếp tục xây dựng đồng bộ khuôn khổ pháp lý về biển và hệ thống chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển và vùng ven biển. Theo đó, **cần khẩn trương ban hành đạo luật chung tổng thể mang tính chất định hướng cho việc khai thác, sử dụng, phân vùng, quản lý tổng hợp các vùng biển của Việt Nam bên cạnh Luật Biển Việt Nam 2012** hoặc ban hành các văn bản dưới luật cụ thể hóa các vấn đề biển, đảo chính yếu nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết của việc tăng cường bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp Luật biển, đảo quốc gia. **Chính phủ cần khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Biển Việt Nam và Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015** và tập hợp, tổng hợp, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống pháp luật biển Việt Nam, đặc biệt là các văn bản pháp luật chuyên ngành, đảm bảo đồng bộ hóa các quy định về quản lý và phát triển biển bền vững trong đó có sự bổ sung, đa dạng hóa các phương pháp tiếp cận mới trong quản lý, bảo tồn biển lồng ghép, luật định, đảm bảo “xã hội hóa” công tác bảo vệ môi trường, nguồn lợi tài nguyên biển trong các chương trình, quy hoạch bảo tồn biển.

- **Hoàn thiện quy định pháp luật hệ thống đường cơ sở đầy đủ của Việt Nam trên các vùng biển, đảo** trong Vịnh Bắc Bộ; vùng nước lịch sử chung Việt Nam – Campuchia, vùng đảo Hoàng Sa, Trường Sa - làm tiền đề cho việc xác định phạm vi, quy chế pháp lý các cấu trúc và vùng biển, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thực thi pháp luật và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Dựa vào những điều chỉnh về đường cơ sở, **hoàn thiện quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam** trên Biển Đông theo hướng phù hợp với các quy định của UNCLOS 1982, tình hình thế giới và thực tiễn Việt Nam.

- Nghiên cứu bài bản, nghiêm túc trên hai khía cạnh pháp lý và địa lý để đi đến thống nhất quy chế pháp lý của các cấu trúc trong hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên cơ sở Điều 121 UNCLOS 1982 và phán quyết của Tòa Trọng tài trong vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc.

- Khẩn trương bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Biển Việt Nam về chế độ tàu quân sự nước ngoài đi qua lãnh hải Việt Nam và các vấn đề khác hiện còn thiếu cơ sở pháp lý cụ thể phục vụ hoạt động thực thi trên thực tế.

- **Bổ sung quy định pháp luật về cải tổ các lực lượng thực thi pháp luật trên biển nhằm nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển.** **Phương án 01:** ban hành Luật các cơ quan chấp pháp trên biển với tư cách là một đạo luật chung, mang tính điều phối, quản lý tổng thể, thống nhất các quy định hiện hành của Nhà nước và điều ước tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. **Phương án 02:** trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật đã có, tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện các quy định để phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng lực lượng chấp pháp, tránh sự chồng lấn về thẩm quyền gây khó khăn trong hoạt động áp dụng pháp luật cũng như quản lý nhà nước về biển, đảo. **Phương án 03,** xây dựng kế hoạch cải tổ các “lực lượng chấp pháp” trên biển theo hướng “thu về một mối”, tức là đưa về trực thuộc một cơ quan duy nhất. Điều này Trung Quốc đã thực hiện từ năm 2013 thông qua báo cáo về kế hoạch tái cơ cấu và chuyển đổi chức năng của Quốc vụ viện trong kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa 12 diễn ra ở Bắc Kinh. Theo đó, cơ quan quản lý mới vẫn mang tên Cục Hải dương quốc gia Trung Quốc, vốn trước đây chỉ quản lý Cục Hải giám thì nay sẽ tiếp quản thêm 3 cơ quan: Cơ quan Tuần duyên (trước thuộc Bộ Công an), Cơ quan thực thi pháp luật ngư nghiệp (trước thuộc Vụ Quản lý Ngư nghiệp của Bộ Nông nghiệp), Cục Chống buôn lậu đường biển (trước thuộc Tổng cục Hải quan).

- **Sửa đổi bổ sung hệ thống quy định pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn trên biển** để xây dựng cơ sở pháp lý, đấu tranh chống lại những hành vi vi phạm trên vùng biển Việt Nam, kiểm soát, xử lý tình huống tranh chấp, xung đột trên biển theo đúng pháp luật quốc tế; bảo đảm trật tự, an toàn trên biển, tạo điều kiện cho ngư dân sản xuất đạt hiệu quả cao, đồng thời đấu tranh với những hành vi ngang ngược của Trung Quốc trên Biển Đông, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

- **Bổ sung quy định pháp luật cụ thể về thu thập, sưu tầm tài liệu liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam;** thực hiện Chương trình quốc gia về sưu tầm tài liệu, chứng cứ về chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Ba là, bổ sung hoàn thiện pháp luật về các lĩnh vực nhằm thể chế hóa, thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh trên các vùng biển/đảo, gồm các lĩnh vực: (i) quy hoạch tổng thể các vùng biển đảo, quản lý tổng hợp vùng biển ven bờ; ii) phát triển kinh tế - xã hội, (iii) quốc phòng, an ninh, đối ngoại; (iv) điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển; (v) khoa học - công nghệ biển; (vi) bảo vệ môi trường biển và ven biển; phòng, chống thiên tai; bảo vệ con người và tài nguyên, tài sản trước các thảm họa thiên tai; (vii) phát triển các kết cấu hạ tầng trên các vùng biển, đảo; (viii) quản lý, phát triển đối với từng vùng biển, đảo; (ix) vận tải biển; đảm bảo an toàn hàng hải, an toàn cho tàu thuyền (tàu quân sự, tàu dân sự-thương mại); (x) phát triển nguồn nhân lực biển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển, xây dựng các lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế biển; phát triển giáo dục, nâng cao hiểu biết của cộng đồng về biển-đảo; (xi) hợp tác quốc tế về biển đảo...

5. Đánh giá về các kết quả đã đạt được và kết luận

Với 15 chuyên đề nghiên cứu, hệ thống tư liệu tham khảo phong phú đa dạng, sách chuyên khảo và các bài viết đã được công bố, đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và một số tài

liệu tham khảo khác, bộ sản phẩm của Đề tài đã tích hợp và thể hiện các kết quả nghiên cứu tương đối hệ thống và toàn diện về những nội dung trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển và yêu sách phi lý của Trung Quốc trên Biển Đông; làm rõ các tác động nguy hại và thách thức đối với Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực (trên thực tế và dự báo trong tương lai); đồng thời, đưa ra những giải pháp nhằm bảo vệ hiệu quả chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông.

Những kết quả nghiên cứu của Đề tài có tính chất tổng hợp khái quát cao, tương đối toàn diện và có nhiều điểm mới. Đây chính là cơ sở khoa học quan trọng, góp phần hỗ trợ việc xây dựng những đối sách, chiến lược và hoàn thiện pháp luật của Việt Nam nhằm hạn chế, giảm thiểu những tác động nguy hại do chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc. Mặt khác, những nội dung này là cơ sở để vận dụng xây dựng luận cứ khoa học trong hồ sơ pháp lý đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông.

Kết luận: Đề tài đã nghiên cứu một cách cơ bản và có hệ thống những vấn đề lý luận chung của hệ thống pháp luật quốc tế về xác lập, thực thi chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia đối với biển, đảo; chỉ ra những điểm trái ngược trong chính sách, pháp luật của Trung Quốc trên Biển Đông trong tương quan với hệ thống pháp luật quốc tế về biển, đảo. Trên cơ sở đó, xác định những tác động nguy hại của chính sách, pháp luật và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc đối với Việt Nam trên các lĩnh vực cụ thể. Đồng thời đề xuất các giải pháp pháp lý cho Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông.

Đề tài đã tạo ra sản phẩm nghiên cứu có tính mới, hiện đại, trực tiếp phục vụ cho công cuộc đấu tranh, phản bác sự phi lý, phi pháp trong chính sách pháp luật biển và tham vọng “độc chiếm Biển Đông” của Trung Quốc, hạn chế những tác động tiêu cực của những chính sách, pháp luật này đối với Việt Nam trên mọi lĩnh vực.

Các kết quả nghiên cứu của đề tài có thể trực tiếp ứng dụng trong các lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển biển, bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với biển, đảo; là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị cho các nhà lãnh đạo, nhà quản lý, hoạch định chính sách, giảng viên, sinh viên và đông đảo tầng lớp nhân dân.

6. Tóm tắt kết quả nghiên cứu

a) Từ đầu thế kỷ 20, nhất là từ sau khi thành lập nước CHND Trung Hoa, năm 1949, nhận diện được vai trò và tầm quan trọng của biển, với tham vọng bành trướng, độc chiếm Biển Đông, nhằm vươn lên vị trí siêu cường quốc tế, Trung Quốc đã *xây dựng một hệ thống chính sách, pháp luật biển khá toàn diện, với hàng trăm văn bản cấp Trung ương và địa phương; đồng thời* tham gia ký kết nhiều điều ước quốc tế về biển đảo.

b) Chính sách pháp luật biển của CHND Trung Hoa phản ánh chân xác sự thay đổi trong nhận thức, quan niệm về biển của các thế hệ lãnh đạo Trung Quốc trước thế kỷ 20 và từ đầu thế kỷ 20 đến nay, đặc biệt là các quan điểm, chủ trương về yêu sách và tham vọng bành trướng trên biển của giới chức cầm quyền Trung Quốc hiện nay. Hệ thống chính sách, pháp luật Trung Quốc về Biển Đông được xây dựng và không ngừng củng cố *theo một chiến lược hết sức bài bản*; là “công cụ pháp lý” để Nhà nước Trung Quốc hợp thức hóa yêu sách phi lý và các hoạt động phi pháp nhằm độc chiếm Biển Đông.

c) Hệ thống chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc thể hiện rõ nét tính chất “nước đôi”, tính “hai mặt”, đồng thời *bộc lộ nhiều điểm phi lý, trái với các chuẩn tắc quốc tế được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc, các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế và Công ước Luật biển năm 1982. Cụ thể như sau:*

Một là, Chính sách, pháp luật và các hoạt động thực tế trên Biển Đông của Trung Quốc vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế quy định tại Hiến chương Liên hợp quốc và vi phạm các nguyên tắc đặc thù của luật biển quốc tế và luật quốc tế về chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Hai là, chính sách, pháp luật và các hoạt động thực tế trên Biển Đông của Trung Quốc có nhiều điểm trái với nghị quyết của các tổ chức quốc tế, nghị quyết các hội nghị quốc tế liên quan đến Biển Đông;

Ba là, pháp luật biển đảo Trung Quốc có nhiều điểm trái với các điều ước quốc tế đa phương về biển đảo, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về luật biển - UNCLOS 1982, xâm phạm quyền và lợi ích của các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Cụ thể là những điểm nổi bật như: (i) tuyên bố bảo lưu theo Điều 298 của UNCLOS 1982; (ii) công bố yêu sách “đường lưỡi bò” chiếm 80% diện tích Biển Đông; (iii) vạch đường cơ sở của Trung Quốc trái với các quy định tại Điều 47 UNCLOS 1982; (iv) Quy chế pháp lý của các vùng biển; quy chế pháp lý của đảo và quần đảo không phù hợp với UNCLOS 1982; (v) Chính sách, pháp luật về khai thác tài nguyên thiên nhiên biển (trong đó có chính sách “gác lại tranh chấp cùng nhau khai thác”) của Trung Quốc xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia trong lĩnh vực Biển Đông đã được UNCLOS 1982 ghi nhận.

Bốn là, chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc trái với các điều ước quốc tế song phương, các tuyên bố chung giữa Trung Quốc và Việt Nam cùng với các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Năm là, yêu sách “đường lưỡi bò” (đường chữ U) và chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc nhằm hiện thực hóa yêu sách này trái với các tập quán quốc tế nổi tiếng về biển đảo; các án lệ nổi tiếng về biển đảo; các học thuyết, quan điểm pháp lý nổi tiếng về biển đảo theo khoản 1 Điều 38 Quy chế Tòa án Công lý Quốc tế về giải quyết tranh chấp biển đảo.

d) Chính sách, pháp luật biển, đảo và các hành động thực tế của Trung Quốc không chỉ làm trầm trọng thêm tranh chấp trong Biển Đông mà còn đe dọa tới hòa bình, an ninh khu vực; gây ra nhiều tác động nguy hại đối với các quốc gia khác trong Biển Đông, trong đó quốc gia bị xâm phạm nghiêm trọng nhất chính là Việt Nam trên nhiều phương diện như: chủ quyền lãnh thổ, chính trị - ngoại giao, hợp tác quốc tế, an ninh quốc phòng kinh tế - văn hóa – xã hội, thông tin – truyền thông...

e) Trong bối cảnh, yêu cầu ngày càng cấp thiết phải đẩy mạnh đấu tranh pháp lý bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông, giải pháp pháp lý nói chung (trong đó có **hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam** nói riêng) được coi là **giải pháp quan trọng nhất** trong hệ thống các giải pháp đấu tranh, bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông. Đây chính là **giải pháp trung tâm, trọng yếu, cần thiết và mang tính hiệu quả, lâu dài, bền vững** mà một quốc gia nhỏ bé, tiềm lực kinh tế - quốc phòng còn yếu như Việt

Nam cần sử dụng để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình thông qua việc **tận dụng, phát huy các thế mạnh về cơ sở pháp lý và lịch sử mà Việt Nam đang có**, do đó có ý nghĩa **quyết định đến sự thắng lợi của cuộc đấu tranh phản bác yêu sách "đường lưỡi bò", phản bác tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển Trung Quốc trên Biển Đông nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam**.

g) Từ ý nghĩa đó, định hướng, giải pháp cơ bản hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam trong thời gian tới bao gồm:

Thứ nhất, các nguyên tắc cơ bản trong việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam gồm:

- Nhận thức đầy đủ và đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của giải pháp pháp lý nói chung và vấn đề hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam trước yêu cầu đẩy mạnh đấu tranh pháp lý bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông

- Bảo đảm chủ quyền quốc gia, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia theo quy định của UNCLOS 1982, góp phần hiện thực hóa chiến lược tiến ra biển làm chủ biển, chiến lược hội nhập quốc tế

- Bảo đảm chính sách, pháp luật biển đảo của Việt Nam phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các cam kết, thỏa thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam ở Biển Đông.

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật biển Việt Nam theo hướng phù hợp và là sự cụ thể hóa các đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về Chiến lược Biển Việt Nam; Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và Chiến lược về hội nhập quốc tế của Việt Nam.

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật biển Việt Nam phải đảm bảo các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, toàn diện, khoa học, cập nhật và hiện đại; đồng thời phải chặt chẽ và có tính khả thi, phù hợp với các điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai, giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật về biển đảo của Việt Nam

a) Đối với chính sách biển: Một là, cần có chiến lược, chính sách biển tổng thể, linh hoạt; đặc biệt là chiến lược sử dụng giải pháp pháp lý trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam. Hai là, tổng kết, đánh giá toàn diện những thành tựu và hạn chế, tồn tại của quá trình thực thi chính sách, pháp luật, đặc biệt là tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 làm cơ sở xây dựng Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Ba là, cải tiến cơ chế, bộ máy quản lý nhà nước và hệ thống chính sách pháp luật về biển, đảo. Bốn là, thực hiện chính sách quản lý hợp lý, hiệu quả đối với các vùng biển đảo theo hướng tăng cường củng cố chủ quyền quốc gia phù hợp với luật pháp quốc tế.

b) Đối với hệ thống pháp luật biển: Các giải pháp chính trong hoàn thiện cơ sở pháp lý về thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với các vùng biển trên cơ sở tuân thủ UNCLOS 1982, phục vụ cho chiến lược đấu tranh, phản bác các quy định phi lý trong chính sách, pháp luật biển Trung Quốc, bao gồm:

Một là, tích cực, chủ động tham gia, ký kết các điều ước quốc tế, các hiệp định đa phương, song phương với các quốc gia, các thỏa thuận khu vực liên quan đến vấn đề, biển đảo.

Hai là, tăng cường công tác rà soát, pháp điển hóa hoặc ban hành mới quy định pháp luật biển đảo nhằm điều chỉnh, giải quyết những vấn đề quan trọng hoặc các quan hệ xã hội mới trong lĩnh vực biển, đảo; trong đó đặc biệt cần thiết là ban hành đạo luật chung tổng thể mang tính chất định hướng cho việc khai thác, sử dụng, phân vùng, quản lý tổng hợp các vùng biển của Việt Nam bên cạnh Luật Biển Việt Nam 2012 hoặc ban hành các văn bản dưới luật cụ thể hóa các vấn đề biển, đảo chính yếu, hướng dẫn thi hành Luật Biển Việt Nam và Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 các văn bản pháp luật chuyên ngành; Hoàn thiện quy định pháp luật về hệ thống đường cơ sở đầy đủ của Việt Nam trên các vùng biển, đảo, quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam, quy chế pháp lý của các cấu trúc trong hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; quy định về chế độ tàu nước ngoài (kể cả tàu quân sự) đi qua lãnh hải Việt Nam; cải tổ các lực lượng thực thi pháp luật trên biển nhằm nâng cao hiệu quả của công tác chấp pháp trên các vùng biển; về bảo đảm trật tự, an toàn trên biển; thu thập, sưu tầm tài liệu liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam; thực hiện Chương trình quốc gia về sưu tầm tài liệu, chứng cứ về chủ quyền biển, đảo Việt Nam...

Ba là, bổ sung hoàn thiện pháp luật về các lĩnh vực nhằm thể chế hóa, thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế-xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng-an ninh trên các vùng biển/đảo, gồm các lĩnh vực: (i) quy hoạch tổng thể các vùng biển đảo, quản lý tổng hợp vùng biển ven bờ; ii) phát triển kinh tế - xã hội, (iii) quốc phòng, an ninh, đối ngoại; (iv) điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển; (v) khoa học - công nghệ biển; (vi) bảo vệ môi trường biển và ven biển; phòng, chống thiên tai; bảo vệ con người và tài nguyên, tài sản trước các thảm họa thiên tai; (vii) phát triển các kết cấu hạ tầng trên các vùng biển, đảo; (viii) quản lý, phát triển đối với từng vùng biển, đảo; (ix) vận tải biển; đảm bảo an toàn hàng hải, an toàn cho tàu thuyền (tàu quân sự, tàu dân sự-thương mại); (x) phát triển nguồn nhân lực biển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển, xây dựng các lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế biển; phát triển giáo dục, nâng cao hiểu biết của cộng đồng về biển-đảo; (xi) hợp tác quốc tế về biển đảo...

Summary of research results

a) From the beginning of the 20th century, especially after the founding of the People's Republic of China in 1949, recognizing the role and importance of the sea, with the ambition to expand and monopolize the South China Sea; and in order to become an international superpower, China has built a comprehensive system of laws and policies of the seas and islands with hundreds of documents at central and local levels; Moreover, China has also signed many international treaties on seas and islands.

b) The laws and policies of the seas and islands of the People's Republic of China reflect the change in the awareness and perception of the sea of Chinese leaders from the early 20th century up to now, especially the views, orientations of maritime claims and ambition of the current Chinese rulers to expand on the sea. The China's policies and laws system on the South China Sea has been built and constantly strengthened in a very strategic manner; this system has been a "legal tool" for the Chinese Government to legalize unjustified claims and illegal activities to monopolize the South China Sea.

c) China's system of maritime policies and laws expresses the duality, and reveals many unreasonable points which are in contravention of international norms recognized in the Charter, the basic principles of international law and the United Nations Convention on the Law of the Sea 1982, as follows:

Firstly, China's policies, laws and activities in the South China Sea violate the fundamental principles of international law defined in the United Nations Charter and violate the specific principles of the international law of seas and international law of national sovereignty.

Secondly, China's policies, laws and activities in the South China Sea are at odds with the resolutions of international organizations and resolutions of international conferences related to the South China Sea;

Thirdly, China's laws of the seas and islands have many points which are in contradiction to international multilateral treaties on the seas and islands, especially the United Nations Convention on the Law of the Sea - UNCLOS 1982, which infringes upon the rights and interests of other nations, including Vietnam. Specifically, the highlights are: (i) the Declaration under Article 298 UNCLOS 1982; (ii) the publication of a "cow-tongue line" claim covering 80% of the South China Sea; (iii) the incompatibility of China's baselines with the provisions of Article 47 UNCLOS 1982; (iv) legal regimes of the sea areas; the legal status of islands and archipelagos is inconsistent with UNCLOS 1982; (v) policies and laws on the exploitation of marine natural resources (including China's "put aside the dispute joint together" policy) seriously infringe on sovereignty, sovereign rights and jurisdiction of many countries in the South China Sea area, which was recognized by UNCLOS 1982.

Fourthly, China's policies and laws in the South China Sea are contrary to bilateral international treaties, joint declarations between China and Vietnam, as well as those of the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN).

Fifthly, the claim of the "U-shaped line" and China's policy and law in the South China Sea to realize this claim are contrary to well-known international customs on the seas and islands; the famous cases concerning to the seas and islands; the famous legal doctrines on the seas and islands under paragraph 1, Article 38 of the International Court of Justice for the settlement of disputes.

d) China's maritime policies, laws and activities not only exacerbate disputes in the South China Sea but also threaten peace and security in the region; cause serious harm to other countries in the South China Sea, especially, the most severely violated country is Vietnam, in so many aspects: territorial sovereignty, international politics - diplomacy, national security, economic-culture-society, information-communication...

e) In the context of increasing urgent need to promote the legal protection of Vietnam's sovereignty, sovereign rights and jurisdiction over the South China Sea, the legal solution in general (Vietnam's laws and legislations of the sea in particular) is considered as the most important solution in the system of solutions in the struggle to protect Vietnam's sovereignty in the South China Sea. This is a central, vital, necessary and effective solution for long-term, sustainable development that a small country with weak economic and defense potential as Vietnam needs, to protect its rights through utilizing and promoting of the strengths of the legal and historical basis

that Vietnam possesses. Therefore, legal solution is a decisive factor to the success of the struggle against the “cow-tongue line” claim, protesting against the the incompatibility between China’s policies and laws of the South China Sea and international law in the South China Sea, to protect the Vietnam’s sovereignty of the seas and islands.

g) From that sense, the orientations and basic solutions to perfect the Vietnam’s maritime laws and policies in the coming time include:

Firstly, the basic principles in the improvement of Vietnam's maritime laws and regulations include:

- Having full and right awareness of the role and significance of the legal solution in general and the issue of perfecting the Vietnam’s maritime policies and laws in order to step up the legal struggle to protect the sovereignty, the sovereign rights and jurisdiction of Vietnam in the South China Sea.

- Ensuring national sovereignty, sovereign rights and national jurisdiction in accordance with UNCLOS 1982, contributing to the realization of the strategy for advancing the sea and mastering the sea as well as the strategy for international integration.

- Ensuring that Vietnam's maritime policies and laws comply with international law, especially international treaties of which Vietnam is a member, commitments and agreements on international responsibilities and obligations of Vietnam in the South China Sea.

- Perfecting the Vietnam's maritime policies and laws in accordance with and to concretize the guidelines and orientations of the Vietnam Communist Party on the Vietnam’s Strategy on Sea; Strategy on the development and perfection of the Vietnam’s legal system and the Strategy on international integration.

- Perfecting the Vietnam's maritime policies and laws must ensure the criteria of uniformity, consistency, comprehensive, scientificity, update and modernity; At the same time, it must be strict and feasible and suitable with the actual conditions of the country.

Secondly, the solutions to improve Vietnam’s the policies and laws on the seas and islands:

a) Regarding the maritime policy: Firstly, there must be a comprehensive and flexible maritime strategy and policy; especially, the strategy of using legal solutions in the struggle to protect Vietnam's sovereignty. Secondly, there must be a comprehensive review and evaluation of the achievements and limitations of the implementation of policies and laws, especially the review and assessment of the implementation of the Vietnam’s Maritime Strategy to 2020, building the Vietnam’s Maritime Strategy to 2030 with a vision to 2050. Thirdly, improving the mechanism, state management apparatus and the legal system on seas and islands. Fourthly, implementing a rational and effective management policy for the seas and islands areas in the direction of strengthening the national sovereignty in accordance with international law.

b) Regarding the maritime legal system: major solutions to improve the legal basis for the exercise of Vietnam's sovereignty, sovereign rights and jurisdiction over maritime areas in compliance with UNCLOS 1982, to strengthen the legal basis for the strategic against the unreasonable provisions of China's maritime policies and laws, include:

Firstly, actively participating in, sign international treaties, bilateral and multilateral agreements with countries, regional agreements related to the seas and islands.

Secondly, strengthening the review, codification or promulgation of new maritime laws to regulate and resolve important issues or new social relations concerning the seas and islands; It is especially necessary to enact a comprehensive general law that provides a guideline for the exploitation, use, zoning and integrated management of Vietnam's maritime zones in addition to the Law of the Sea of Vietnam 2012; or to promulgate rules specifying sea and island issues, guiding the implementation of the Law on the Sea of Vietnam and the Law on Natural Resources and Environment in the Seas and Islands 2015 and other specialized legal documents; to perfect the legal provisions on Vietnam's complete baselines in the sea and islands, the legal regimes of the maritimes zones under the sovereignty, the sovereign rights and jurisdiction of Vietnam, the legal regimes of features in Hoang Sa (Paracels) and Truong Sa (Spratlys) archipelagos; Regulations applicable to foreign warships implementing innocent passage through Vietnamese territorial sea and other issues still lacking specific legal base for practical implementation. Reorganizing the forces of law enforcement at sea to improve the effectiveness of the protection of Vietnam's sovereignty, sovereign rights and jurisdiction over the seas; Enacting provisions on maintaining order and safety at sea; Collecting documents related to the Vietnam's sovereignty over the seas and islands; Implementing the national program on the collection of documents and evidence on the Vietnam's sovereignty over the sea and islands.

Thirdly, supplementing the regulations on all fields in order to institutionalize and implement the strategy of building and developing comprehensively state management, socio-economic, science and technology, national security and defense in the sea and island areas, including: (i) overall plan of sea and island areas, integrated coastal zone management; ii) socio-economic development, (iii) national defense, security and foreign affairs; (iv) basic surveys on marine resources and environment; (v) marine science and technology; (vi) protection of the marine and coastal environment, prevention of natural disaster; protecting people and resources, property from natural disasters; (vii) development of infrastructure in the seas and islands; (viii) management and development of the sea and island areas; (ix) maritime transport; ensuring the safety of navigation and safety of vessels (military vessels, civil-commercial vessels); (x) developing human resources to meet the requirements of socio-economic development in coastal and marine areas, building up key forces in marine economic development; education developing, raising the awareness of community about the islands and the seas; (xi) international cooperation on seas and islands.

PHẦN III. SẢN PHẨM, CÔNG BỐ VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO CỦA ĐỀ TÀI

3.1. Kết quả nghiên cứu

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học hoặc/và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	
		Đăng ký	Đạt được
1	Báo cáo phân tích các luận cứ khoa học về tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc .	<i>* Định hướng nội dung khoa học cụ thể: Tích hợp đầy đủ những kết quả nghiên cứu của Đề tài gồm:</i> Báo cáo 1: (1) Hệ thống các khái niệm, các lý thuyết chung về hệ thống PLQT về biển đảo và mối liên quan với CSPL quốc gia, các tiêu chí đánh giá về sự phù hợp, tính trái pháp luật quốc tế của pháp luật quốc gia. (2) Các khái niệm, lý thuyết tổng quan và mô hình về hệ thống CSPL quốc gia nói chung và của Trung Quốc nói riêng, lược sử xây dựng CSPL biển TQ qua hai thời kỳ. (3) Tiến trình bổ sung CSPL biển TQ gắn với yêu sách "đường lưỡi bò" trên BD. (4) Từng khía cạnh nội dung của vấn đề cần đánh giá như thể hiện trong tiêu đề của chuyên đề, trong đó làm rõ những nội dung của CSPL biển của TQ trái với từng bộ phận của pháp luật quốc tế, các nguồn cơ bản trong căn cứ pháp lý GQTC biển đảo theo QĐ của TACLQT (ICJ) và các thiết chế tài phán QT. (5) Đề xuất, kiến nghị nội dung nghiên cứu chuyên sâu hơn, đặc biệt là những vấn đề mới, phức tạp phát sinh vượt khỏi phạm vi, điều kiện nghiên cứu của Đề tài (nếu có)	Đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu định hướng đưa ra
2	Báo cáo phân tích về các giải pháp pháp lý của Việt Nam đấu tranh với chính sách, pháp luật biển và tham vọng của Trung Quốc ở Biển Đông; giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật biển của Việt Nam.	Báo cáo 2: (1) Phân tích chuyên sâu về từng khía cạnh nội dung, trong đó làm rõ tác động nguy hại từ CSPL biển của TQ đối với Việt Nam và đối sách, giải pháp, biện pháp cần thực hiện nhằm đấu tranh, phản bác lại TQ, bảo vệ chủ quyền biển đảo của VN phù hợp với PLQT. (2) Đề xuất, kiến nghị nội dung nghiên cứu chuyên sâu hơn trên cơ sở kết quả chuyên đề, đặc biệt là những vấn đề mới, phức tạp phát sinh vượt khỏi phạm vi, điều kiện nghiên cứu của Đề tài (nếu có) xuất phát từ diễn biến thực tế của tình hình tranh chấp Biển Đông có sự tham gia của Trung Quốc; (ii) Kiến nghị việc tổ chức thực hiện các giải pháp đề xuất trong kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công tác xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật biển đảo của Nhà nước Việt Nam.	Đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu định hướng đưa ra

3.2. Hình thức, cấp độ công bố kết quả

TT	Sản phẩm	Tình trạng (Đã in/ chấp nhận in/ đã nộp đơn/ đã được chấp nhận đơn hợp lệ/ đã được cấp giấy xác nhận SHTT/ xác nhận sử dụng sản phẩm)	Ghi địa chỉ và cảm ơn sự tài trợ của ĐHQG HN đúng quy định	Đánh giá chung (Đạt, không đạt)
1	Công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus			
2	Sách chuyên khảo được xuất bản hoặc ký hợp đồng xuất bản			
	Sách chuyên khảo : “Chính sách, pháp luật và yêu sách phi lý của Trung Quốc trên Biển Đông nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế”	Chấp nhận in	Có	Đạt
3	Đăng ký sở hữu trí tuệ			
4	Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống ISI/Scopus			
	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Tên công trình: The Compatibility between Chinese Policy and Law of the South China Sea and International Law (Tính trái pháp luật quốc tế của chính sách pháp luật biển Trung Quốc) Tạp chí Luật học Nga; Số 1 – 2017; ngày 14/1/2017; Từ trang 14 đến trang 23; Mã công trình ISSN2409-627X.E-ISSN2413-7448.	Đã in	Có	Đạt
5	Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế			
5.1	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Giá trị và tác động của Phán quyết ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Tòa Trọng tài thành lập theo Phụ lục VII Công ước Luật biển năm 1982 về vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc. <i>Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 32, số 3, 2016. Từ trang 9 đến trang 21. Mã công trình ISSN 0866-8612</i>	Đã in	Có	Đạt
5.2	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Chính sách pháp luật biển của Trung Quốc, từ góc nhìn của luật quốc tế hiện đại. <i>Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 32, số 4, 2016. Từ trang 15 đến trang 23. Mã công trình ISSN 0866-8612</i>	Đã in	Có	Đạt
5.3	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Bàn thêm về tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc – nhìn từ góc độ các nguyên tắc cơ bản và Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc, <i>Tạp chí Khoa học,</i>	Đã in	Có	Đạt

	<i>Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 33, số 2, 2017. Từ trang 01 đến trang 12. Mã công trình ISSN 2588-1167</i>			
5.4	Tác giả Nguyễn Bá Diên Chính sách “Gác tranh chấp cùng khai thác của Trung Quốc ở Biển Đông và giải pháp cho Việt Nam”, <i>Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 33, số 3, 2017. Từ trang 01 đến trang 12. Mã công trình ISSN 2588-1167</i>	Đã in	Có	Đạt
6	Báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng			
7	Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&CN			

Ghi chú:

- *Cột sản phẩm khoa học công nghệ: Liệt kê các thông tin các sản phẩm KHCN theo thứ tự <tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí/nhà xuất bản, số phát hành, năm phát hành, trang đăng công trình, mã công trình đăng tạp chí/sách chuyên khảo (DOI), loại tạp chí ISI/Scopus>*
- *Các ấn phẩm khoa học (bài báo, báo cáo KH, sách chuyên khảo...) chỉ được chấp nhận nếu có ghi nhận địa chỉ và cảm ơn tài trợ của ĐHQGHN theo đúng quy định.*
- *Bản phô tô toàn văn các ấn phẩm này phải đưa vào phụ lục các minh chứng của báo cáo. Riêng sách chuyên khảo cần có bản phô tô bìa, trang đầu và trang cuối có ghi thông tin mã số xuất bản.*

3.3. Kết quả đào tạo

TT	Họ và tên	Thời gian và kinh phí tham gia đề tài (số tháng/số tiền)	Công trình công bố liên quan (Sản phẩm KHCN, luận án, luận văn)	Đã bảo vệ
Nghiên cứu sinh				
1	Vũ Phương Thanh	Thời gian: 04 tháng Số tiền: 30.953.000 đồng	- Sản phẩm dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt. - Nghiên cứu chuyên đề 01 chuyên đề khoa học - Tên Đề tài: “Nhận diện tham vọng đường lưỡi bò của Trung Quốc ở biển Đông dưới góc độ pháp luật quốc tế.”	Chưa bảo vệ
2	Nguyễn Hùng Cường	Thời gian: 03 tháng Số tiền: 30.993.000 đồng	- Tham gia 02 chuyên đề khoa học - Luận án: “Giải quyết tranh chấp về thềm lục địa trong pháp luật quốc tế.”	Đã bảo vệ cấp Quốc gia
3	Đào Thị Thu Hường	Thời gian: 04 tháng Số tiền: 28.176.000 đồng	- Tham gia 03 chuyên đề khoa học - Luận án: “Áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp tại biển Đông.”	Đã bảo vệ cơ sở

Học viên cao học				
1	Vũ Phương Linh	Thời gian: 03 tháng Số tiền: 22.540.000 đồng	- Tham gia 02 chuyên đề - Luận văn: “Địa vị pháp lý của các công trình nhân tạo trên biển dưới góc độ pháp luật quốc tế.”	Đã bảo vệ
	Vũ Thúy Hằng	Thời gian: 05 tháng Số tiền: 34.198.000 đồng	- Tham gia 03 chuyên đề khoa học - Luận văn: “Pháp luật biển của Trung Quốc với yêu sách phi lý “đường lưỡi bò” dưới góc độ pháp luật quốc tế.”	Đã bảo vệ
	Phan Văn Mạnh	Thời gian: 02 tháng Số tiền: 11.270.000 đồng	- Tham gia 01 chuyên đề khoa học - Luận văn: “Vai trò của Liên Hợp Quốc trong giải quyết tranh chấp về Biên giới – Lãnh thổ: Vận dụng vào các tranh chấp ở Biển Đông.”	Đã bảo vệ

Ghi chú:

- Gửi kèm bản photo trang bìa luận án/ luận văn/ khóa luận và bằng hoặc giấy chứng nhận nghiên cứu sinh/thạc sỹ nếu học viên đã bảo vệ thành công luận án/ luận văn;
- Cột công trình công bố ghi như mục III.1.

PHẦN IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC SẢN PHẨM KH&CN VÀ ĐÀO TẠO CỦA ĐỀ TÀI

TT	Sản phẩm	Số lượng đăng ký	Số lượng đã hoàn thành
1	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus	Không	
2	Sách chuyên khảo được xuất bản hoặc ký hợp đồng xuất bản	01	01
3	Đăng ký sở hữu trí tuệ	Không	
4	Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống ISI/Scopus	01	01
5	Số lượng bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế	03	04
6	Báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng	Không	
7	Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&CN	Không	
8	Đào tạo/hỗ trợ đào tạo NCS	01	03
9	Đào tạo thạc sĩ	02	03

PHẦN V. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

TT	Nội dung chi	Kinh phí được duyệt (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Ghi chú
A	Chi phí trực tiếp	300	300	
1	Thuê khoán chuyên môn	266,712	267,4535	
2	Nguyên, nhiên vật liệu, cây con..			
3	Thiết bị, dụng cụ			
4	Công tác phí			
5	Dịch vụ thuê ngoài			
6	Hội nghị, Hội thảo, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu			

7	In ấn, Văn phòng phẩm	3,288	2,5465	
8	Chi phí khác	15	15	Thù lao Chủ nhiệm và thư kí
B	<i>Chi phí gián tiếp</i>			
1	Quản lý phí	15	15	
2	Chi phí điện, nước			
	Tổng số	300	300	

PHẦN V. KIẾN NGHỊ (về phát triển các kết quả nghiên cứu của đề tài; về quản lý, tổ chức thực hiện ở các cấp)

- Tiếp tục nghiên cứu một cách chuyên sâu, toàn diện, đầy đủ nhất ở cấp độ cao hơn về hệ thống chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp và gián tiếp đến biển đảo của Trung Quốc từ những năm đầu thế kỷ 20 (từ năm 1909) đến nay.

- Đầu tư nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên sâu về hệ thống chính sách pháp luật biển và yêu sách của Đài Loan từ trước đến nay về Biển Đông để làm cơ sở khoa học giúp Việt Nam đưa ra các giải pháp đấu tranh pháp lý, bảo vệ chủ quyền biển đảo một cách toàn diện và hiệu quả.

- Mở rộng so sánh, phân tích những điểm khác biệt trong chính, pháp luật biển Trung Quốc/Đài Loan với chính sách, pháp luật biển của các quốc gia khác trên thế giới.

- Đi sâu nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện về tính trái pháp luật quốc tế của chính sách, pháp luật biển Trung Quốc (trong đó bao gồm cả các văn bản quan trọng cốt yếu và các văn bản pháp luật có hiệu lực thấp hơn) với tất cả các điều ước quốc tế mà Trung Quốc là thành viên; các nguyên tắc pháp luật quốc tế về biển đảo; các nghị quyết của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực biển đảo; các tập quán quốc tế về biển đảo; các án lệ quốc tế về biển đảo; các học thuyết (quan điểm) pháp lý quốc tế về biển đảo.

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách chuyên sâu hơn về những hành động triển khai trên thực tế của Trung Quốc để làm rõ những điểm phi lý, phi pháp trong những văn bản và hành động này, làm cơ sở để xây dựng các lập luận, bằng chứng phục vụ cho công tác đấu tranh, phản bác, đồng thời làm rõ được những tác động tiêu cực của chính sách pháp luật biển và hành động triển khai trên thực tế của Trung Quốc/Đài Loan đối với Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là với chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển đảo.

- Đầu tư nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các lập luận và bằng chứng cụ thể để đấu tranh phản bác chính sách pháp luật biển của Trung Quốc, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển đảo khi lựa chọn từng phương án giải quyết cụ thể tại từng tổ chức quốc tế và thiết chế tài phán quốc tế.

- Cần chuyển giao các kết quả nghiên cứu của đề tài để áp dụng tại các cơ quan lập pháp (Quốc hội), Chính phủ, các Bộ (Ngoại giao, Tư pháp, Nội vụ, Quốc phòng, Công an, Tài nguyên-Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giáo dục và đào tạo,...), Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ sở giáo dục đào tạo khác để làm tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập cho các bậc đào tạo.

PHẦN VI. PHỤ LỤC (minh chứng các sản phẩm nêu ở Phần III)

Danh mục chi tiết các minh chứng đi kèm

3.1. Kết quả nghiên cứu

TT	Tên sản phẩm
1	Báo cáo phân tích các luận cứ khoa học về tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật trên Biển Đông của Trung Quốc.
2	Báo cáo phân tích về các giải pháp pháp lý của Việt Nam đấu tranh với chính sách, pháp luật biển và tham vọng của Trung Quốc ở Biển Đông; giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật biển của Việt Nam.

3.2. Các ấn phẩm công bố

TT	Sản phẩm
1	Sách chuyên khảo: Bản thảo đóng ngoài.
2	Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống ISI/Scopus
	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Tên công trình: The Compatibility between Chinese Policy and Law of the South China Sea and International Law (Tính trái pháp luật quốc tế của chính sách pháp luật biển Trung Quốc) Tạp chí Luật học Nga; Số 1 – 2017; ngày 14/1/2017; Từ trang 14 đến trang 23; Mã công trình ISSN2409-627X.E-ISSN2413-7448.
3	Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế
3.1	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Giá trị và tác động của Phán quyết ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Tòa Trọng tài thành lập theo Phụ lục VII Công ước Luật biển năm 1982 về vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc. <i>Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 32, số 3, 2016. Từ trang 9 đến trang 21. Mã công trình ISSN 0866-8612</i>
3.2	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Chính sách pháp luật biển của Trung Quốc, từ góc nhìn của luật quốc tế hiện đại. <i>Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 32, số 4, 2016. Từ trang 15 đến trang 23. Mã công trình ISSN 0866-8612</i>
3.3	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Bàn thêm về tính trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc – nhìn từ góc độ các nguyên tắc cơ bản và Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc, <i>Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 33, số 2, 2017. Từ trang 01 đến trang 12. Mã công trình ISSN 2588-1167</i>
3.4	Tác giả Nguyễn Bá Diễn Chính sách “Gác tranh chấp cùng khai thác của Trung Quốc ở Biển Đông và giải pháp cho Việt Nam”, <i>Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 33, số 3, 2017. Từ trang 01 đến trang 12. Mã công trình ISSN 2588-1167</i>

3.3. Kết quả đào tạo

TT	Họ và tên
Nghiên cứu sinh	
1	<i>Vũ Phương Thanh</i>
2	<i>Nguyễn Hùng Cường</i>
3	<i>Đào Thị Thu Hường</i>
Học viên cao học	
1	<i>Vũ Phương Linh</i>
2	<i>Vũ Thúy Hằng</i>
3	<i>Phan Văn Mạnh</i>

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2017

Đơn vị chủ trì đề tài
(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên, chữ ký)